

Ổn định tỷ giá hối đoái và chuyển đổi tiền tệ

NGUYỄN THỊ TUYẾT NGÀ

Ổn định tỷ giá hối đoái và chuyển đổi tiền tệ là hai lĩnh vực khác nhau nhưng lại có mối quan hệ hết sức chặt chẽ với nhau, làm tiền đề và điều kiện cho nhau. Chính vì lẽ đó, việc hiểu biết một cách đầy đủ thực chất của mối quan hệ giữa hai lĩnh vực này không chỉ có ý nghĩa lý thuyết mà còn mang ý nghĩa thực tiễn, trong bối cảnh “Việt Nam đang ở vào giai đoạn giữa của một cuộc chuyển đổi phi thường từ một nền kinh tế tự cung tự cấp và đang tìm kiếm sự gắn kết chặt chẽ hơn với thế giới” như Adam SitKoff đã phát biểu gần đây¹.

I. ỔN ĐỊNH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

1. Nhận thức về tỷ giá hối đoái

Tỷ giá hối đoái được hình thành rất sớm, khi mà ở mỗi nước khác nhau tồn tại một đồng tiền khác nhau, từ đó xuất hiện nhu cầu trao đổi đồng tiền nước này để lấy đồng tiền nước khác. Việc trao đổi tiền tệ đó phải dựa vào một mức quy đổi nhất định và đó chính là tỷ giá hối đoái.

Samuelson từng cho rằng: tỷ giá hối đoái là tỷ giá để đổi một đồng tiền nước này lấy một đồng tiền nước khác. Nhà kinh tế học người úc Slatyer cho rằng: một đồng tiền nước này bằng một số lượng đồng tiền nước khác đó chính là tỷ giá hối đoái...

Các khái niệm trên đây phản ánh những khía cạnh khác nhau của tỷ giá hối đoái và thực chất của nó chính là mối quan hệ so sánh về mặt giá trị của các đồng tiền khác nhau của các nước khác nhau.

Như ta đã biết, tỷ giá hối đoái cao hay thấp tùy thuộc vào quan hệ giữa cung và cầu về ngoại hối. Vận hành trong một nền kinh tế thị trường, tỷ giá được quyết định bởi quan hệ cung cầu, có nghĩa là quan hệ cung cầu quyết định đến tỷ giá hối đoái. Tuy nhiên khi khẳng định quan hệ cung cầu

quyết định đến tỷ giá hối đoái thì xuất hiện một câu hỏi khác: đằng sau quan hệ cung cầu còn có những yếu tố nào quyết định đến tỷ giá hối đoái, hay nói cách khác, yếu tố nào quyết định đến quan hệ cung cầu?

Trả lời câu hỏi trên, nhiều nhà kinh tế lại quay về phân tích tình trạng của cán cân thương mại của một nước, tức là xem xét hoạt động của lưu thông hàng hóa vượt qua biên giới. Hoạt động này chịu ảnh hưởng chủ yếu của giá cả trong nước so với nước ngoài. Sự phụ thuộc này được giải thích bằng “Lý thuyết ngang giá sức mua (purchasing power parity theory)”. Theo lý thuyết này, tỷ giá hối đoái cân bằng những khác biệt về sức mua giữa hai đồng tiền. Tuy nhiên, lại có những quan điểm chống lại những hình thức tuyệt đối này của lý thuyết ngang giá sức mua, xuất phát từ thực tế là, chỉ có một số hàng hóa và dịch vụ nào đó mới nằm trong “rổ” được trao đổi trong phạm vi quốc tế chứ không phải là tất cả. Bên cạnh đó, người ta lưu ý đến những chi phí khác nhau trong vận chuyển hàng hóa khi thực hiện buôn bán quốc tế, cả sự khác nhau về thuế quan, và các chi phí tương tự. Và cuối cùng, xuất hiện các câu hỏi: “rổ” hàng hóa nào, lấy theo tiêu chuẩn của mặt bằng giá trong nước: chi phí sinh hoạt, giá bán lẻ, giá bán buôn hay là giá xuất khẩu... tùy thuộc vào từng chỉ số dùng làm cơ sở, sẽ có những tỷ giá hối đoái cân bằng khác nhau. Bằng chứng của sự khác biệt này là gần đây, nghiên cứu của một tổ chức tài chính quốc tế có tầm cỡ (Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF)) đưa ra tỷ giá Big – Mac, theo đơn đặt hàng của Bộ trưởng Tài chính các nước OPEC

Nguyễn Thị Tuyết Nga, Thạc sỹ.

1. Giám đốc Hiệp hội thương mại Mỹ ở Việt Nam (Amcham) - Báo Tuổi trẻ, ngày 26-5-2006.

liên quan đến việc thay đổi tỷ giá hối đoái và tác động của nó đến mậu dịch và đầu tư ở khu vực các nước OPEC, đã dựa trên cơ sở duy nhất là ngang giá sức mua, không tính đến sự khác biệt về các yếu tố nói trên, đã bị bác bỏ.

Theo quan niệm gần đây cho rằng: tỷ giá hối đoái phải được quyết định bởi sự thay đổi mặt bằng giá ở hai nước. Mặc dù người ta vẫn không hoàn toàn nhất trí về cách đặt vấn đề như thế, nhưng quan điểm này có những giá trị nhất định cần xem xét: đó là chênh lệch mặt bằng giá do sự phát triển kinh tế không giống nhau ở các nước khác nhau. Ví dụ, nếu hoạt động kinh tế trong nước lớn hơn ở nước ngoài, sẽ dẫn đến nhập khẩu, ngay khi giá quốc tế tăng bất lợi cho hoạt động ấy. Tương tự như vậy, trong trường hợp này xuất khẩu cũng có ít sự biến động.

Bên cạnh việc phân tích về sự biến động của cán cân thương mại, các nhà kinh tế cũng lưu ý đến sự biến động của các loại cán cân khác - như cán cân dịch vụ, cán cân giao dịch vốn quốc tế, cán cân giao dịch đơn phương. Và ở mỗi loại cán cân như vậy, tác động trực tiếp hay gián tiếp đến quan hệ cung cầu về ngoại hối và do đó ảnh hưởng đến sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Quan hệ cung cầu về ngoại hối khi xét đến tình trạng của cán cân thanh toán quốc tế của một nước thường được gọi là cung cầu thực. Trong thực tế, cung tăng hoặc cầu tăng không chỉ thuần túy do tác động qua lại của tình trạng thặng dư hay thiếu hụt trong cán cân thanh toán quốc tế, mà còn xuất hiện quan hệ cung - cầu do đầu cơ, cung cầu do tâm lý và cung cầu do sự ưa chuộng một loại ngoại tệ nào đó, trong một thời điểm cụ thể nào đó.

Sự tác động qua lại của các yếu tố khác nhau đối với tỷ giá hối đoái bắt đầu từ quan hệ cung cầu và quan hệ này lại bị tác động và chế định bởi những yếu tố khác nữa, tạo nên sự vòng vèo khi tìm các nguyên nhân tác động đến tỷ giá hối đoái. Và để giải thích

cho sự vòng vèo này, các nhà kinh tế gọi đó là lý thuyết về vòng luẩn quẩn. Lý thuyết này không khẳng định có một yếu tố duy nhất nào có thể chế định hoàn toàn đến tỷ giá hối đoái. Như vậy có thể khẳng định tính phức tạp trong việc nhận thức và vận hành tỷ giá hối đoái.

2. Tính ổn định của tỷ giá hối đoái

Từ khi sử dụng công cụ tỷ giá trong các quan hệ giao dịch về hối đoái, hình như loài người luôn coi *tính ổn định* của tỷ giá hối đoái là một nhu cầu có ý nghĩa sống còn đối với việc ổn định tiền tệ và ổn định nền kinh tế. Những gì đã trình bày ở trên *chủ yếu* diễn ra đối với chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi (cả chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi có quản lý). Trước chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi là chế độ tỷ giá hối đoái theo bản vị vàng, bao gồm bản vị tiền vàng, bản vị vàng thoi và bản vị vàng hối đoái, hay còn gọi là chế độ tỷ giá hối đoái Bretton Woods. Với các chế độ tỷ giá hối đoái theo bản vị vàng, thực tế đã tạo nên sự ổn định bên trong, như là một sự ổn định tự động.

Từ khi chấp nhận sự phá sản của chế độ tỷ giá hối đoái theo bản vị vàng - tức tỷ giá hối đoái cố định, để chuyển sang chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi, trong một thời gian ngắn, thế giới đã trải qua một cuộc thử nghiệm ít thành công mà nhiều thất bại. Sự thất bại đó bắt nguồn từ nhận thức mơ hồ về tỷ giá hối đoái, và cũng từ đó, cường điệu quá đáng sức mạnh của thị trường, coi thị trường là tất cả. Nói cách khác là đã sùng bái mù quáng về sức mạnh của bàn tay vô hình trong việc hình thành tỷ giá hối đoái. Bài học đó đã có sự trả giá. Chính vì lẽ đó, tỷ giá hối đoái thả nổi hoàn toàn diễn ra không được bao lâu, tính từ tháng 3 năm 1973 khi chế độ tỷ giá hối đoái bản vị vàng bị sụp đổ thì đến tháng 6 năm 1976, các nước có nền kinh tế lớn trên thế giới đã nhóm họp nhau tại Jamaica và cuối cùng, đưa ra khuyến cáo Jamaica, trong đó khuyến các nước nên thi hành chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi có quản lý. Mục đích chủ yếu của khuyến cáo này là

xác lập tính ổn định của tỷ giá hối đoái, coi tính ổn định như là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong quá trình vận hành tỷ giá hối đoái.

Sở dĩ đặt vấn đề như trên là người ta coi tỷ giá hối đoái là một loại giá và do vậy, đòi hỏi phải được đối xử như là một loại giá. Tuy nhiên, vì tính nhạy cảm của nó, tức là nếu có một sự biến động nào đó của tỷ giá hối đoái vượt quá biên độ cho phép thì lập tức tác động dây chuyền đối với các loại giá cả khác trên thị trường, bao gồm các thị trường hàng hóa thông thường, thị trường vốn và cả thị trường tiền tệ. Mặt khác tỷ giá hối đoái xét từ bình diện tổng thể, nó là bộ phận trong nhiều biến số khác nhau của nền kinh tế, chịu sự tác động phụ thuộc theo chiều thuận nghịch và do vậy, không thể và không bao giờ được coi đó như là một yếu tố độc lập, tách khỏi mối liên hệ với các yếu tố khác.

Lịch sử phát triển kinh tế thế giới đã chứng minh tính không thể bác bỏ được về vai trò quan trọng của tỷ giá hối đoái và loài người đã tốn không biết bao nhiêu công sức để tìm kiếm các phương pháp khác nhau trong việc chế định và điều hành tỷ giá hối đoái. Đòi hỏi của khuyến cáo Jamaica đối với các nước mà cốt lõi của nó là cố gắng duy trì tính ổn định của tỷ giá hối đoái, coi đó như là tiền đề quan trọng của sự ổn định và tăng trưởng các hoạt động xuất nhập khẩu, đầu tư nước ngoài và trên hết là cơ sở quan trọng cho ổn định và tăng cường kinh tế.

Chính vì lẽ đó, ổn định tỷ giá hối đoái phải và sẽ là một mục tiêu phấn đấu lâu dài, một xu hướng phát triển tất yếu của các nước trên thế giới và ở nước ta. Tuy nhiên, cần nhận thức rằng, ổn định chứ không phải là cố định. Như mọi người đều biết, việc thay đổi tỷ giá hối đoái không phát triển một cách đều đặn và thường bị ngắt quãng thành những giai đoạn biến động của tỷ giá. Ngoài ra, cũng không hoàn toàn đoán trước và tính được phản ứng của thị trường, những tin tức và sự kiện nhất định nào đó. Paul Emzig, nhà kinh tế học người Mỹ,

trong tác phẩm về tỷ giá hối đoái của mình cho rằng: "Những tin tức gây biến đổi lớn về tỷ giá hối đoái trong trường hợp này lại không được lưu ý trong trường hợp khác. Thế nhưng, điều cơ bản vẫn là thái độ của thị trường. Nếu thị trường tích cực ủng hộ một đồng tiền nào đó, thì nó thường hoàn toàn quan tâm đến những thông tin tiêu cực, thậm chí đôi khi thông tin gây ra hiệu ứng nghịch đối với tỷ giá hối đoái"².

Tóm lại về cơ bản, xét về trường thế (long position), tỷ giá hối đoái phải ổn định và xét về đoản thế (short position) tỷ giá hối đoái phải được điều chỉnh, nhưng giữa hai thời kỳ đó phải được ổn định. Thực tế việc điều hành tỷ giá của nước ta trong những năm vừa qua của các nhà chức trách tiền tệ đã chứng tỏ việc nhận thức và vận hành tỷ giá hối đoái phù hợp với những diễn biến cụ thể và được coi như là một thành công trong vận hành chính sách tiền tệ Việt Nam. Tuy nhiên đây là một lĩnh vực vô cùng phức tạp, do vậy không ai có quyền tự cho mình là đã hiểu biết đầy đủ và sử dụng thành thạo đối với một công cụ có tầm quan trọng đặc biệt và lợi hại này.

II. CHUYỂN ĐỔI TIỀN TỆ

1. Ý nghĩa chuyển đổi tiền tệ

Cùng với quá trình chuyển đổi, từ nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường, thực hiện quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế (đến năm 2020 nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp) và đặc biệt cùng với quá trình hội nhập ngày càng sâu vào nền kinh tế thế giới và khu vực..., vấn đề chuyển đổi tiền tệ nhất thiết phải được đặt ra.

Như mọi người đều biết, tiền tệ bao giờ cũng phản ánh trình độ phát triển và sức mạnh của nền kinh tế. Tiền tệ phản ánh ra bên ngoài như là một tấm gương về sự thích ứng giữa khối lượng tiền tệ và khối lượng

2. Các quan điểm và chính sách tỷ giá hối đoái, Nxb Thống kê, 1995, tr 143.

hàng hóa và do vậy, nó là thước đo quan trọng đối với sự phát triển kinh tế. Khi mà nền kinh tế hội nhập vào nền kinh tế thế giới và khu vực một cách toàn diện thì tiền tệ cũng đòi hỏi phải được hội nhập vào nền tiền tệ quốc tế và khu vực, thực hiện chức năng dự trữ quốc tế và thanh toán quốc tế.

Việc chuyển đổi tiền tệ sẽ đạt được kết quả khi mà quan hệ thanh toán giữa nước ta với phần còn lại của thế giới và khu vực được biểu hiện ở hai khía cạnh: *một là*, đồng tiền Việt Nam không chỉ là đồng tiền hóa đơn trong buôn bán quốc tế mà còn là đồng tiền thanh toán trong các giao dịch ấy và *hai là*, khi đồng tiền Việt Nam là đồng tiền thanh toán trong các giao dịch thương mại sẽ tạo nên vị trí xứng đáng trong dự trữ tiền tệ, dành cho mục đích thanh toán và cả mục đích đầu cơ về tiền tệ.

Các nhà kinh tế cho rằng, việc một nước nào đó sử dụng một đồng tiền nước khác trong thanh toán và trong dự trữ chính là nước đó đã cho nước phát hành tiền vay mà không phải tính lãi. Mỹ được coi là con nợ lớn nhất của thế giới chính là xuất phát trên phương diện này, khi đồng đôla Mỹ được các nước sử dụng trong thanh toán và trong dự trữ. Dù sao, đối với đồng Việt Nam, việc chuyển đổi sang các đồng tiền khác trong thanh toán và trong dự trữ được hay không có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với xu hướng tất yếu của quá trình phát triển nền kinh tế, và khi chưa đạt được, vấn đề được đặt ra phải là mục tiêu phấn đấu lâu dài.

2. Những điều kiện cơ bản cho việc chuyển đổi tiền tệ

Như chúng ta đã biết, khi nhân loại chấp nhận và vận hành chế độ tiền giấy bất khả hoán (tức tiền giấy không được phép tự do đổi lấy vàng), xét về phương diện quốc gia, cơ sở cho việc lưu thông tiền giấy là như sau: *trước hết*, dân chúng phải có niềm tin vào giá trị thực của tiền giấy được phát hành, và cơ sở cho niềm tin đó là tiền giấy phải ổn định về mặt giá trị. Dĩ nhiên, khi dân chúng không còn đủ sức tin vào giá trị thực của

đồng tiền khi đang có lạm phát, đặc biệt là lạm phát phi mã hoặc siêu lạm phát, thì lập tức xuất hiện hiện tượng đẩy đồng tiền giấy ra khỏi tay, tức tìm mọi cách rút khỏi thị trường tiền tệ để đến với một thị trường khác, thường là thị trường tài sản hữu hình ít bị hoặc không bị mất giá khi có lạm phát; *hai là*, sở dĩ tiền giấy có thể lưu thông được ở trong nước là do sự ấn định bắt buộc của nhà nước bằng luật pháp theo chế độ lưu thông tiền giấy bất khả hoán.

Khác với lưu thông tiền tệ ở trong nước, khi đồng tiền trong một nước trao đổi với các đồng tiền khác với tư cách là đồng tiền thanh toán và đồng tiền dự trữ, thì yếu tố ấn định bằng luật pháp không tồn tại mà lúc này yếu tố duy nhất để các thế nhân và pháp nhân nước ngoài sử dụng đồng tiền của một nước nào đó là dựa vào niềm tin của người sử dụng vào đồng tiền đó, và khi đó đồng tiền đó mới có thể chuyển đổi được. Để đồng Việt Nam có thể chuyển đổi được cần những điều kiện quan trọng sau đây:

a. Tính ổn định của tiền tệ

Với chức năng tồn trữ giá trị hay tồn trữ sức mua (store value or store of purchasing power) đòi hỏi tiền tệ phải ổn định. Yếu tố ổn định của tiền tệ trở thành điều kiện quan trọng cho việc chuyển đổi tiền tệ. Sở dĩ đặt vấn đề như vậy là vì, với tư cách là đồng tiền trong thanh toán và trong dự trữ quốc tế, đòi hỏi đồng tiền phải ổn định, tạo niềm tin của người sử dụng khi đồng tiền được chuyển đổi dùng cho việc thanh toán và dự trữ.

b. Tính phát triển liên tục và bền vững về mặt giá trị của tiền tệ

Tính phát triển liên tục và bền vững về mặt giá trị của tiền tệ bắt nguồn từ sự phát triển bền vững và liên tục của chính nền kinh tế đó. Một đồng tiền mạnh chỉ có thể có được với một nền kinh tế mạnh, nghĩa là sau lưng đồng tiền đó phải là một nền kinh tế mạnh. Lịch sử của thế giới đã chứng minh một cách hết sức ngoạn mục về hiện tượng đồng đôla Mỹ hát đồng **đồng** Anh với tư cách là đồng tiền chuẩn (central currency)

sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đã chứng minh điều đó.

Rất nhiều dẫn chứng để nói rằng, một đồng tiền ổn định không thôi thì không thể là điều kiện đủ cho việc chuyển đổi, và cũng chứng minh được rằng không phải bất cứ đồng tiền có giá nào cũng được ưa chuộng. Trước hết nếu xét về tính ổn định thì đồng Riên (KHR) của Campuchia là một đồng tiền khá ổn định, bằng chứng là từ năm 1999 tỷ giá USD/KHR là 39, thì hiện nay, tức sau 7 năm tỷ giá đó là 40, nhưng rõ ràng đồng Riên không phải là đồng tiền có thể chuyển đổi một cách rộng rãi. Nếu xét về giá trị của đồng tiền thì không phải đồng tiền nào có giá trị cao cũng là đồng tiền được ưa chuộng và có khả năng chuyển đổi cao, ví dụ trước chiến tranh Irắc đồng Dinar (IQD) của Irắc có giá trị rất lớn gấp 3 lần đôla Mỹ, tức $USD/IQD = 0,33$, hoặc giá trị của đồng bảng Anh so với đôla Mỹ chẳng hạn....

Như vậy, để có thể góp phần cho việc chuyển đổi tiền tệ một cách rộng rãi, một đồng tiền nào đó phải có sự phát triển bền vững về mặt giá trị, thông qua sức mua ngày càng tăng của nó, tức là một đồng tiền nào đó có khả năng ngày hôm nay mua được nhiều hàng hóa hơn ngày hôm qua. Tóm lại sức mạnh của một nền kinh tế một nước là cơ sở cho sức mạnh của tiền tệ và do vậy, ta có thể nói rằng, chính yếu tố phát triển bền vững của nền kinh tế chứ không chỉ là ổn định của chính nền kinh tế đó có thể tạo điều kiện vật chất cho việc chuyển đổi tiền tệ.

c. Phải tăng dự trữ quốc tế về các ngoại tệ mạnh - hệ quả của việc thực thi các chính sách kinh tế đúng đắn thuộc tầm vi mô

Sức mạnh của đồng tiền thường được biểu hiện trên hai phương diện: đối nội và đối ngoại. Xét về phương diện đối ngoại, sức mạnh của đồng tiền chỉ có thể thực hiện được thông qua việc cân bằng một cách tích cực cán cân thanh toán quốc tế và ổn định tỷ giá; xét về phương diện đối nội, đó là ổn định và nâng cao sức mua của đồng tiền

trong nước, trên cơ sở kiểm soát được lạm phát.

Trong các chính sách nhằm tăng dự trữ quốc tế về các ngoại tệ mạnh, trong đó cần thực thi một chiến lược cạnh tranh hoàn hảo và nhất quán, có nghĩa là phải xóa bỏ tận gốc các ngăn cách, rào cản đối với thị trường. Nếu quá trình cạnh tranh được diễn ra ở mức hoàn hảo, chắc chắn sẽ tạo ra một hệ quả kép; đó là làm cho giá cả sản phẩm giảm xuống và đồng tiền sẽ có giá hơn so với trước và hai là, qua cạnh tranh sẽ tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa phong phú và đa dạng và dĩ nhiên, giá cả cũng giảm xuống tương ứng.

Bên cạnh việc thực thi một chính sách cạnh tranh hoàn hảo còn phải đi kèm với chính sách tự do hóa khu vực ngoại thương, và quá trình tự do hóa khu vực ngoại thương phải đi kèm với các chính sách tài chính - tiền tệ có hiệu quả, sao cho tránh được các sức ép đến tình trạng của cán cân thanh toán quốc tế bị thâm hụt và ngăn ngừa sức ép đối với lạm phát, không làm giảm đi các kích thích về giá và làm yếu đi khả năng cạnh tranh của khu vực thương mại.

Để đưa ra chính sách tài chính hỗ trợ, các nước đang cải cách thường đưa ra các khuyến khích liên quan đến thuế, như chuyển từ định chế ngoại thương sang cơ sở đánh thuế trong nước và tăng cường quản lý nguồn thu và cách hành thu theo hướng:

- Thuế tiêu dùng cần được hợp lý hóa đối với hàng sản xuất trong nước và đối với hàng nhập khẩu, từng bước xóa, miễn thuế nhập khẩu.

- Cần sử dụng các biện pháp để giảm chi tiêu ngân sách không hoặc kém hiệu quả, làm giảm thâm hụt ngân sách, giảm gánh nặng bao cấp qua ngân sách. Tập trung cải tiến hoạt động tài chính của các doanh nghiệp nhà nước và sử dụng các nguyên tắc quản lý tài chính đúng đắn nhằm hạn chế tối đa các rủi ro về mất cân đối trong thanh toán và rủi ro về lạm phát, tạo điều kiện tốt để cải cách khu vực tài chính công.

- Xây dựng các cơ sở hạ tầng có liên quan, đẩy mạnh các hoạt động xuất nhập khẩu và các khu vực kinh tế được coi là quan trọng để phát triển nền kinh tế một cách bền vững.

- Chính sách tiền tệ và tín dụng đóng vai trò chủ đạo hỗ trợ tự do hóa ngoại thương và bảo đảm một môi trường ổn định không có hoặc lạm phát ở mức thấp, bởi lẽ tỷ giá thực là một loại giá cả tương quan giữa hai đồng tiền, do vậy chính sách tiền tệ phải đủ chặt để không xói mòn khả năng cạnh tranh do lạm phát gây ra. Bằng cách này, khu vực kinh tế đối ngoại được bảo vệ trong quá trình cải cách và không phụ thuộc quá nhiều vào tốc độ mất giá của tiền tệ. Lạm phát và tỷ giá hối đoái không ổn định có thể là nguyên nhân trực tiếp và quan trọng làm cho đồng tiền khó có thể chuyển đổi.

d. Nhà nước và thị trường

Ngay khi mà các quy luật của nền kinh tế ấy được nhận thức và vận dụng một cách phù hợp thì vai trò và chức năng của nhà nước trong quá trình quản lý nền kinh tế có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Lý thuyết về bàn tay vô hình của Adam Smith từng đã ngự trị trong suốt giai đoạn từ khi ra đời đến tổng khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) đã cho nhân loại có được những bài học đắt giá. Nhấn mạnh đến vai trò vận dụng các quy luật thị trường mà quên đi hoặc coi thường vai trò quản lý của nhà nước, hoặc là làm ngược lại đều là không đúng và chắc chắn sẽ gây ra những hệ quả xấu không lường hết được.

Gần đây có ý kiến cho rằng “nhà nước nhiều hơn hay thị trường nhiều hơn” tác động đến sự phát triển của nền kinh tế? Có lẽ câu trả lời có thể chấp nhận được là sự can thiệp của nhà nước chỉ nên xuất hiện vào những thời điểm khi xảy ra hoặc có thể xảy ra những biến động đáng kể, làm dịch chuyển đáng kể sự cân bằng vốn có, còn ngoài ra phải để cho thị trường tự quyết định theo các quy luật vận động riêng của nó. Mặt khác sự can thiệp cần thiết phải sử

dụng các công cụ của thị trường mà không phải là các công cụ hành chính. Trong lĩnh vực chuyển đổi tiền tệ và ổn định tỷ giá, phần lớn phải để cho thị trường quyết định. Xuất phát từ đó không có sự khác biệt nhiều giữa tỷ giá hối đoái chính thức và tỷ giá hối đoái giao dịch. Và để có thể đạt được điều đó, cần đổi mới cách xác định tỷ giá hối đoái chính thức. Giống như một tướng lĩnh khi tham trận, cần phải biết đưa ra những “đường kiếm” đúng lúc, tức vào những thời điểm thích hợp để xử lý những tình huống xấu có thể xảy ra hoặc đang xảy ra.

3. Một số kinh nghiệm về chuyển đổi tiền tệ

Việc chuyển đổi tiền tệ ở các nước khác nhau thường sử dụng các phương thức khác nhau. Kinh nghiệm cải cách kinh tế ở các nước châu Á thường đưa vấn đề chuyển đổi tiền tệ vào cuối quá trình cải cách vì nó có thể không ổn định. Một số nước như Nhật Bản và Hàn Quốc thực hiện việc chuyển đổi tiền tệ sau khi mở cửa tài khoản vãng lai. Thực tế các nước này tiến đến chuyển đổi đồng tiền vì tài khoản vãng lai có thặng dư lớn đe dọa đến sự ổn định của giá cả. Ở Nhật Bản, khoảng cách từ mở cửa tài khoản vãng lai đến chuyển đổi đồng tiền là 20 năm hoặc hơn thế nữa. Ở Hàn Quốc cho tới cuối thập kỷ 80 mới tham gia ký kết thỏa ước với IMF về chuyển đổi tiền tệ. Hàn Quốc vẫn đang thực hiện chuyển đổi tài khoản vốn.

Động cơ thiết lập khả năng chuyển đổi tiền tệ ở Singapo và Thái Lan khác hơn so với một số nước. Mặc dù tài khoản vãng lai thâm hụt nhưng họ vẫn thực hiện việc chuyển đổi tiền tệ như là một bộ phận của chiến lược chung. Nhưng cả hai nước này đều phải đợi cho tới khi cán cân thanh toán tổng thể của họ mạnh lên nhiều rồi mới thực hiện điều khoản VIII cam kết với IMF về chuyển đổi tiền tệ. Khác với các nước ở châu Á, phần lớn các nước Đông Âu và Liên Xô cũ không coi trọng cán cân quốc tế mà chỉ tập trung chuyển đổi tiền tệ. Vấn đề chuyển đổi

tiền tệ trở thành một bộ phận của chính sách tổng thể nhằm đạt được sự tương quan giữa tỷ giá hối đoái và giá cả ở trong nước. Tuy nhiên, kinh nghiệm cho thấy rằng, nếu không có một chính sách mạnh mẽ, đồng bộ và đầy đủ thì việc chuyển đổi tiền tệ khó mà thực hiện được.

4. Kết luận

Ổn định tỷ giá hối đoái và chuyển đổi tiền tệ có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong quá trình hội nhập vào thị trường thế giới của nước ta, đặc biệt là khi nước ta đang ở cửa ngõ của việc tham gia vào tổ chức thương mại lớn nhất hành tinh – WTO. Cũng như với Adam – Sitkoff: “Gia nhập WTO là bước tiếp theo của một tiến trình. Mỗi người sẽ

chứng kiến nhiều cơ hội kinh doanh hơn, các sản phẩm chất lượng tốt hơn và giá cả rẻ hơn... Thế hệ trẻ Việt Nam đang cạnh tranh với người trẻ tuổi ở Malaixia, Thái Lan, Trung Quốc, Mỹ, Pháp...”. Tất cả những gì sẽ xảy ra chắc chắn còn nhiều điều thú vị và bất ngờ, nhưng việc chuyển đổi tiền tệ trong quá trình hội nhập nền kinh tế nước ta với nền kinh tế thế giới không thể không đặt ra. Cách tốt nhất là chúng ta phải trực diện với nó để tìm ra giải pháp. Phải chăng đây là cách suy nghĩ đúng, hợp lý và có trách nhiệm đối với tương lai. Hy vọng những ý kiến này là một trong vô số ý kiến khác nhau cùng quan tâm đến một lĩnh vực có tầm quan trọng đặc biệt này./.